

## Phân tích bài thơ Tự tình của Hồ Xuân Hương

Tuyển chọn những bài làm văn hay đề bài Phân tích bài thơ Tự tình (II) của nữ thi sĩ Hồ Xuân Hương - Văn mẫu lớp 11

**Đề bài:** Em hãy phân tích bài thơ Tự tình (bài số II) của Hồ Xuân Hương.

**Bài làm:**

*Bài văn phân tích Tự tình hay và đầy đủ ý*

Hồ Xuân Hương là nữ sĩ tài ba ở nước ta vào cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX. Ngoài tập “Lư Hương kí” bà còn để lại khoảng 50 bài thơ nôm, phần lớn là thơ đa nghĩa, vừa có nghĩa thanh vừa có nghĩa tục. Một số bài thơ trữ tình đậm thắm, thiết tha, buồn tủi... thể hiện sâu sắc thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ, với bao khao khát sống và hạnh phúc tình duyên. Chùm thơ “Tự tình” phản ánh tâm tư tình cảm của Hồ Xuân Hương, của một người phụ nữ lỡ thì quá lứa, duyên phận hẩm hiu,... Bài thơ này là bài thứ hai trong chùm thơ “Tự tình” ba bài.

Thi sĩ Xuân Diệu trong bài “Hồ Xuân Hương bà chúa thơ Nôm” đã viết: “Bộ ba bài thơ trữ tình này cùng với bài “Khóc vua Quang Trung” của công chúa Ngọc Hân làm một khóm riêng biệt, làm tiếng lòng chân thật của người đàn bà tự nói về tình cảm bản thân của đời mình trong văn học cổ điển Việt Nam...” Ông lại nhận xét thêm về điệu thơ, giọng thơ: “...trong bộ ba bài thơ tâm tình này, bên cạnh bài thơ vần “ênh” nổi nênh và bài thơ vần “om” oán hận, thì bài thơ vần “on” này mong đợi, chon von”.

*“Canh khuya vắng vắng trống canh dồn,*

*Trơ cái hồng nhan với nước non.*

*Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,*

*Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.*

*Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,*

*Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.*

*Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại,*

*Mảnh tình san sẻ tí con con !”.*

Hai trong ba bài thơ, nữ sĩ đều nói về đêm khuya, canh khuya. “Tự tình” I bà viết: “*Tiếng gà vắng vắng gáy trên bom – Oán hận trông ra khắp mọi chòm*”. Ở bài thơ này cũng vậy, bà tỉnh dậy lúc canh khuya, hay thao thức suốt đêm khuya, tâm trạng ngổn ngang phiền muộn. Âm thanh “vắng vắng” của tiếng trống từ một chòi canh xa đưa lại như thúc giục

## Phân tích bài thơ Tự tình của Hồ Xuân Hương

thời gian trôi nhanh, tuổi đời người đàn bà trôi nhanh: “Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn”. “Hồng nhan” là sắc mặt hồng, chỉ người phụ nữ. “Tro” nghĩa là lì ra, tro ra, chai đi, mất hết cảm giác. “Nước non”: chỉ cả thế giới tự nhiên và xã hội. Cả câu thơ: “Tro cái hồng nhan với nước non” nói lên một tâm trạng: con người đau buồn nhiều nỗi, nay nét mặt thành ra tro đi trước cảnh vật, trước cuộc đời, tựa như gỗ đá, mất hết cảm giác. Nỗi đau buồn đã đến cực độ. Từ “cái” gắn liền với chữ “hồng nhan” làm cho giọng thơ trĩu xuống, làm nổi bật cái thân phận, cái duyên phận, cái duyên số đã quá hẩm hiu rồi. Ta có cảm giác tiếng trống dồn canh khuya, thời gian như cơn gió lướt qua cuộc đời, lướt qua số phận và thân xác nhà thơ. Con người đang than thân trách phận ấy đã có một thời son trẻ tự hào: “Thân em vừa trắng lại vừa tròn”, có phẩm hạnh với “tám lòng son” trọn vẹn, có tài năng, thế mà nay đang trải qua những đêm dài cay đắng. Qua đó, ta thấy cái xã hội phong kiến buổi ấy mới ghê gớm đã làm xơ xác, khô héo phận hồng nhan.

Đằng sau hai câu đề là những tiếng thở dài ngao ngán. Có vầy vùng để thoát ra, bươn ra cái nghịch cảnh nhưng đâu dễ! Tiếp theo là hai câu thực:

*“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,*

*Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn”.*

Nghệ thuật đối rất thần tình: “Chén rượu” với “vàng trăng”, trên thì “hương đưa”, dưới lại có “bóng xế”, đặc biệt 3 chữ “say lại tỉnh” với “khuyết chưa tròn” đối, hô ứng nhau làm nổi bật bi kịch về thân phận người đàn bà dang dở, cô đơn. Muốn mượn chén rượu để khuây khỏa lòng mình, nhưng vừa nâng chén rượu lên môi mùi hương phả vào mặt, đưa vào mũi. Tưởng uống rượu cho say để quên đi bao nỗi buồn, nhưng càng uống càng tỉnh. “Say lại tỉnh” để rồi tỉnh lại say, cái vòng luẩn quẩn ấy về duyên phận của nhiều phụ nữ, trong đó có Hồ Xuân Hương như một oan trái.

Buồn tủi cho thân phận, bao đêm dài thao thức đợi chờ, nhưng tuổi đời ngày một “bóng xế”. Bao hi vọng đợi chờ. Đến bao giờ vàng trăng mới “tròn”? Đến bao giờ hạnh phúc đến trong tầm tay, được trọn vẹn, đầy đủ? Sự chờ mong gắn liền với nỗi niềm khao khát. Càng cô đơn càng chờ mong, càng chờ mong càng đau buồn, đó là bi kịch của những người đàn bà quá lứa lỡ thì, tình duyên ngang trái, trong đó có Hồ Xuân Hương.

Hai câu trong phần luận, tác giả lấy cảnh để ngụ tình. Đây là hai câu thơ tả cảnh “lạ lùng” được viết ra giữa đêm khuya trong một tâm trạng chán ngán, buồn tủi:

*“Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,*

*Đâm toạc chân mây đá mấy hòn”.*

Ý thơ cấu trúc tương phản để làm nổi bật cái dữ dội, cái quyết liệt của sự phản kháng. Từng đám rêu mềm yếu thế mà cũng “xiên ngang mặt đất” được! Chỉ có lơ thơ “đá mấy

## Phân tích bài thơ Tự tình của Hồ Xuân Hương

hòn” mà cũng có thể “đâm toạc chân mây” một cách kì lạ ! Hai câu thơ, trước hết cho ta thấy một thiên nhiên tiềm ẩn một sức sống đang bị nén xuống đã bắt đầu bật lên mạnh mẽ vô cùng. Thiên nhiên trong thơ Hồ Xuân Hương không chỉ mang màu sắc, đường nét, hình khối mà còn có gương mặt, có thái độ, có hành động, cũng “xiên ngang...”, cũng “đâm toạc”... mọi trở ngại, thế lực,... Xuân Hương vốn tự tin và yêu đời. Con người ấy đang trải qua nhiều bi kịch vẫn cố gắng gượng với đời. Phản ứng mạnh mẽ, dữ dội nhưng thực tại vẫn chua xót. Đêm đã về khuya, giữa cái thiên nhiên dào dạt, bốn bề mịt mù bao la ấy, người đàn bà hẩm hiu càng cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết. Chẳng thế mà trong bài “Tự tình I”, nữ sĩ đã buồn tủi viết:

*“Mồ thấm không khuya mà cũng cóc,*

*Chuông sậu chẳng đánh có sao om ?”.*

Cả nỗi đau trần thế như dồn tụ lại đáy lòng một người đàn bà cô đơn. Khao khát được sống trong hạnh phúc, được làm vợ, làm mẹ như mọi người đàn bà khác. Nhưng “hồng nhan bạc mệnh” rồi ! Đêm càng về khuya, người đàn bà không thể nào chợp mắt được, trần trọc buồn tủi thân đơn chiếc, thiếu thốn yêu thương, xuân đi rồi xuân có trở về, mà tình yêu chỉ được “san sẻ tí con con”, phải cam chịu cảnh ngộ:

*“Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại,*

*Mảnh tình san sẻ tí con con”.*

Hết mùa xuân này đi qua, mùa xuân khác lại trở lại, “mỗi năm mỗi tuổi như đuổi xuân đi”... Chữ “ngán” nói lên nỗi đau, nỗi buồn tủi của người đàn bà lỡ thì quá lứa, đang trải qua sự mòn mỏi, đợi chờ. Tình duyên, tình yêu như bị tan vỡ, tan nát thành nhiều “mảnh”, thế mà chua chát thay chỉ được “san sẻ tí con con”. Câu thơ là tiếng than thân trách phận. Phải chăng đây là lần thứ hai Hồ Xuân Hương chịu cảnh làm lẽ ? Tình đã vỡ ra thành “mảnh” lại còn bị “san sẻ”, đã “tí” lại “con con”. Mỗi chữ như rung rung những giọt khóc. Câu thơ này, tâm trạng này được nữ sĩ nói rõ thêm trong bài “Lấy chồng chung”:

*“Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng,*

*Chém cha cái kiếp lấy chồng chung,*

*Năm thì mười hoạ hay chẳng chớ,*

*Một tháng đôi lần có cũng không !...”.*

Tóm lại, “Tự tình” là lời tự than, tự thương xót, buồn tủi cho duyên số, duyên phận hẩm hiu của mình. Càng thao thức cô đơn càng buồn tủi. Càng buồn tủi càng khao khát sống, sống trong hạnh phúc trọn vẹn, đầy đủ. Thực tại nặng nề, cay đắng như bủa vây, cái hồng

## Phân tích bài thơ Tự tình của Hồ Xuân Hương

nhân như “trơ” ra với nước non, với cuộc đời. Người đọc vô cùng cảm thông với nỗi lòng khao khát sống, khao khát hạnh phúc của nữ sĩ và người phụ nữ trong xã hội. Giá trị nhân bản là nội dung sâu sắc nhất của chùm thơ “Tự tình” của Hồ Xuân Hương.

Cách dùng từ rất đặc sắc, độc đáo thể hiện phong cách nghệ thuật Hồ Xuân Hương: “trơ cái hồng nhan”, “say lại tỉnh”, “khuyết chưa tròn”, “xiên ngang”, “đâm toạc”, “ngán nỗi”, “lại lại”, “tí con con”,... Chữ dùng sắc nhọn, trong cảnh chứa tình, diễn tả mọi đau khổ bi kịch về duyên số... Qua bài thơ này, ta càng thấy rõ Hồ Xuân Hương đã đưa ngôn ngữ dân gian, tiếng nói đời thường vào lời ca, bình dị hoá và Việt hoá thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Bà xứng đáng là “Bà chúa thơ Nôm” của nền thi ca dân tộc.

### *Một số mẫu bài phân tích của học sinh lớp 11*

#### **Bài số 1:**

Hồ Xuân Hương là một trong những nữ sĩ tài ba bậc nhất của văn học Trung đại Việt Nam. Bà để lại sự nghiệp sáng tác đồ sộ, giàu giá trị trên cả mảng thơ chữ Nôm và chữ Hán. Nổi bật trong tác phẩm của bà là tiếng nói thương cảm với số phận người phụ nữ và bài thơ *Tự Tình* (bài II) là một trong những bài thơ như vậy.

Bài thơ nằm trong chùm thơ *Tự tình*, gồm có tất cả ba bài, được viết theo thể thơ Đường luật. Tác phẩm là nỗi thương mình trong sự cô đơn khi phải chịu cảnh làm lẽ, khao khát hạnh phúc mãnh liệt. Đồng thời bài thơ cũng thể hiện thái độ bứt phá, vùng vẫy, muốn thoát khỏi cảnh ngộ éo le để có thể đạt được hạnh phúc, nhưng cuối cùng bi kịch vẫn hoàn bi kịch.

Bài thơ mở đầu là thời điểm canh khuya, khi con người đối diện thật nhất với chính mình, nhưng cũng chính lúc đó Xuân Hương tự nhận ra tình cảnh đáng thương của chính mình:

*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn*

*Trơ cái hồng nhan với nước non.*

Trong đêm khuya thanh vắng, nhịp gấp gáp của tiếng trống “dồn” càng trở nên vội vã, gấp gáp hơn. Đó cũng chính là những bước đi thời gian vội vàng đang chảy trôi trước mắt người con gái. Đồng thời tiếng trống đó cũng chính là sự rối bời trong tâm trạng của nhân vật trữ tình. Đối diện với nhịp thời gian vội vàng, gấp gáp là hình ảnh “trơ cái hồng nhan”. Chữ “trơ” được đặt ngay ở đầu câu nhấn mạnh nỗi cô đơn, trơ trọi của người phụ nữ. Nhưng bên cạnh nỗi đau đớn, xót tủi cho thân phận lại thể hiện một Xuân Hương thật bản lĩnh. “Trơ” không chỉ là sự bẽ bàng mà còn là thách thức với xã hội, với cuộc đời. Hai câu thơ đầu là tiếng than cho số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến, hồng nhan mà bạc mệnh.

## Phân tích bài thơ Tự tình của Hồ Xuân Hương

Trong cái cô đơn, tội nghiệp đến tột cùng ấy, con người tìm đến rượu để khây khỏa nỗi niềm:

*Chén rượu đưa hương say lại tỉnh*

*Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn*

Nhưng rượu cũng không thể làm cho nhân vật vui đi nỗi cô đơn, sầu muộn. Chén rượu uống vào mà lại càng tỉnh hơn, để nhân vật trữ tình càng thấm thía hơn nỗi cô đơn, lẻ bóng của mình. Tìm đến trăng làm bạn, để tâm sự trò chuyện thì lại nhận ra thực tại phũ phàng. Nỗi niềm chất chứa đã thấm dần và lan vào cảnh vật. Quả thực “*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”. Hai câu thơ tác giả sử dụng rất thành công cụm từ: “say lại tỉnh” cho thấy cái vòng luẩn quẩn, tình duyên trở thành trò đùa của tạo hóa, càng uống lại càng tỉnh, lại càng nhận ra sự hẩm hiu duyên phận của chính mình; “khuyết chưa tròn” vàng trăng là ngoại cảnh mà cũng chính là tâm cảnh, tạo nên sự đồng nhất giữa cảnh vật và con người. Trăng sắp tàn mà vẫn khuyết cũng như con người tuổi xuân vội vã trôi qua mà tình duyên vẫn chưa trọn vẹn. Bốn câu thơ đầu đã khắc họa sâu sắc nỗi đau, bi kịch của người phụ nữ trong xã hội cũ.

“*Xiên ngang mặt đất rêu từng đám/ Đâm toạc chân mây đá mấy hòn*”. Các động từ mạnh “xiên, đâm” kết hợp với “ngang, toạc” đã thể hiện sự ngang ngạnh, phần uất đến tột cùng của nhân vật trữ tình. Nếu như người phụ nữ trung đại nổi bật lên với tính cách cam chịu, khuất phục trước số phận thì ở đây lại xuất hiện một người phụ nữ hoàn toàn khác. Những sinh vật nhỏ bé dường kia không chịu mềm yếu trước hoàn cảnh thực tại, phải mọc xiên, đâm ngang để tìm sự sống. Đá phải kiên cường, rắn chắc để có thể đâm toạc chân mây. Biện pháp đảo ngữ trong hai câu thơ đã cho thấy sự phần uất của cỏ cây, đá đó đồng thời cũng chính là nỗi niềm của con người trước thực tại cuộc sống. Bởi vật, hình ảnh rêu xiên ngang, đá đâm toạc chân mây cũng chính là sự phản kháng của người phụ nữ trước thực tại nhiều bất công, ngang trái.

*Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại*

*Mảnh tình san sẻ tí con con.*

Trong câu thơ có hai chữ “xuân” xuất hiện, chữ “xuân” thứ nhất là tuổi xuân của con người, “xuân” thứ hai là mùa xuân của vạn vật. Hai chữ xuân này kết hợp với từ “lại” đã nhấn mạnh tuổi xuân của con người một đi không trở lại, trái ngược với mùa xuân của thiên nhiên đất trời, mỗi khi xuân của đất trời quay lại đồng nghĩa với tuổi xuân của con người ngày một rút ngắn, nỗi chán ngán lại càng gia tăng. Thủ pháp nghệ thuật tăng tiến, nhấn mạnh vào sự nhỏ bé dần, làm cho hoàn cảnh càng trở nên éo le hơn: “*Mảnh tình san sẻ tí con con*”. Mảnh tình vốn đã bé, đã nhỏ nay lại phải san sẻ lại càng trở nên ít ỏi, eo hẹp hơn. Tình cảnh đó thật xót xa, tội nghiệp. Hai câu thơ kết thể hiện nỗi lòng sâu kín của người phụ nữ trong xã hội cũ: với họ tình yêu, hạnh phúc thật mong manh, bé nhỏ.

## Phân tích bài thơ Tự tình của Hồ Xuân Hương

Hồ Xuân Hương là bậc thầy trong sử dụng ngôn ngữ, thông qua khả năng diễn đạt tu tưởng, tình cảm của nhân vật trữ tình: tả âm thanh (văng vẳng), tả cảm giác (trơ, say, lại tỉnh, ngán), tả động thái (xiên ngang, đâm toạc)... Nghệ thuật đảo ngữ tài tình (xiên ngang, đâm toạc). Giọng điệu thơ phần uất, tủi hờn. Tất cả đã hòa quyện với nhau để diễn tả sự cô đơn, thân phận bé nhỏ của người phụ nữ trong xã hội cũ.

Với ngôn ngữ giản dị, giàu sức gợi cảm, sử dụng thành công phép đối, tác phẩm vừa nói lên số phận rẻ rung, bị kịch người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Đồng thời còn cho thấy khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương nói riêng và của người phụ nữ trong xã hội cũ nói chung.

### **Bài số 2:**

*Tự tình* là một trong những tác phẩm nổi tiếng của Hồ Xuân Hương, đây là bài thơ tự bày tỏ lòng mình. Như chúng ta cũng biết Hồ Xuân Hương sống vào cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX, bà xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo, cha làm nghề dạy học. Thế nhưng, Hồ Xuân Hương không chịu gò bó vào cái xã hội eo hẹp, tù túng mà bà là một người phóng khoáng, đa tài, đa tình, giao thiệp với những nhà văn, tài tử, đi rất nhiều nơi. Nhưng éo le thay, người xưa thường có câu “Hồng nhan bạc phận”, bà cũng phải chịu kiếp số lận đận, éo le, đầy ngang trái trong con đường tình duyên. Các tác phẩm của bà chủ yếu được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm. Người ta thường gọi bà là “Bà chúa thơ Nôm”. Hồ Xuân Hương – hiện tượng độc đáo trong lịch sử văn học Việt Nam.

Bài thơ *Tự Tình* được viết dưới dạng Đường luật thất ngôn bát cú. Với lời viết sắc xảo và cũng chính là lời tự bày tỏ lòng mình nên chủ đề bài thơ được hiện lên là một nghịch đối: duyên phận muộn màng, lỡ dở trong khi tác giả cứ lạnh lùng trôi qua. Điều này dẫn đến tâm trạng vừa buồn vừa phẫn uất, nhưng cuối cùng vẫn đọng lại trong tâm trí của bà.

Để thấy rõ được nội dung chính, ta sẽ đi vào tìm hiểu sâu qua các câu thơ. Bài thơ được viết theo thể thơ đường luật bát cú ngôn nên bố cục gồm 4 phần: 2 câu đề, 2 câu thực, 2 câu luận và 2 câu kết.

Trước hết, tác giả mở đầu với hai câu đề:

*“Đêm khuya văng vẳng bóng canh dôn*

*Trơ cái hồng nhan với nước non.”*

Khung cảnh được hiện lên là một đêm khuya, khi con người chìm sâu vào giấc ngủ, nhưng cũng chính là lúc người ta đối diện với chính mình và đây cũng là lúc Hồ Xuân Hương nhận ra được cảnh đáng thương của mình. Sự cô đơn, lẻ bóng một mình gắn liền với thời gian, tạo cho người ta một cảm giác thật đáng thương cho thân phận người phụ nữ. Tác giả đã rất tinh tế khi sử dụng nghệ thuật lấy động nói tĩnh: âm thanh “văng vẳng”

## Phân tích bài thơ Tự tình của Hồ Xuân Hương

của tiếng trống cầm canh để nói lên một không gian tĩnh lặng, vắng vẻ. Chính cái khoảnh khắc ấy, tự soi vào mình, tác giả thấy “trơ” mà đặc biệt nó còn được đặt ở đầu câu, càng thêm nhấn mạnh nỗi đau, bất hạnh về đường tình duyên, số kiếp “hồng nhan bạc phận” của chính tác giả. “Trơ” ở đây có thể được hiểu là tủi hổ, bẽ bàng. Tiếp theo nó là “cái hồng nhan” ý nói đến dung nhan của người phụ nữ, thường được dùng trong xã hội xưa. Nhưng điều đáng chú ý ở đây, một nhân phẩm, vẻ đẹp của người phụ nữ lại gọi là “cái” gọi cho người đọc thấy được sự rẻ rúng, mỉa mai. “Cái hồng nhan” trơ với nước non không chỉ là sự cay đắng, tủi hổ mà còn là nỗi xót xa, thấm thía, càng ngẫm càng thương thân. Nhưng chữ “trơ” ở đây một phần cũng có thể hiểu được đó chính là sự gan dạ của Xuân Hương, là sự thách thức. Để nhấn mạnh điều này, tác giả đã dùng nhịp thơ: 1/3/3 để nhấn mạnh vào sự bẽ bàng.

Nói tiếp hai câu đề, tác giả viết:

*“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh*

*Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn”*

Với hai câu thơ thực trên, hoàn cảnh và tâm trạng của nhà thơ được hiện lên rõ hơn. Khi sầu, người ta thường lạm dụng rượu, để có thể quên đi mọi thứ không vui, những nỗi đau. Thế nhưng “say lại tỉnh” làm nỗi buồn không thể nguôi được. Đây chính là một vòng quay luẩn quẩn, tình duyên đã trở thành một trò đùa, càng say càng tỉnh, càng cảm nhận nỗi đau của thân phận. Câu thơ là ngoại cảnh nhưng cũng là tâm trạng. Vì vậy, tạo nên sự đồng nhất giữa tâm trạng và cảnh “trăng” sắp tàn “bóng xế” và vẫn “khuyết chưa tròn”. Tuổi xuân, cái tuổi đẹp nhất của người con gái đã trôi qua mà nhân duyên vẫn chưa trọn vẹn. Gọi lên một nỗi sầu lẽ bóng.

Tiếp tục hướng về ngoại cảnh, lấy thiên nhiên để bày tỏ tâm trạng, nỗi lòng của mình, Hồ Xuân Hương viết:

*“Xiên ngang mặt đất rêu từng đám*

*Đâm toạc chân mây đá mấy hòn”*

Hai câu luận ở trên được tác giả sử dụng nghệ thuật đảo ngữ để nhấn mạnh trạng thái của thiên nhiên, nhưng đó cũng chính là tâm trạng của con người. Rêu và đá là hai hình ảnh được hiện lên là những vật yếu mềm, không chịu chấp nhận sự thấp bé ấy, đã vươn lên bằng mọi cách, vượt qua những cản trở (mặt đất, chân mây) để chứng tỏ mình. Các động từ mạnh: xiên, đâm kết hợp với bổ ngữ *ngang*, *toạc* gọi cho người ta thấy sự ngang ngạnh, phần uất. Nó không chỉ thể sự phần uất mà còn nói lên một phần của sự phản kháng. Cũng có thể cho người đọc ngầm hiểu Hồ Xuân Hương với sức sống mãnh liệt ngay cả khi đau buồn nhất.

## Phân tích bài thơ Tự tình của Hồ Xuân Hương

Khép lại bài thơ với hai câu kết:

*“Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại*

*Mảnh tình san sẻ tí con con”*

Hồ Xuân Hương đã có cách dùng từ rất độc đáo “xuân” tức là mùa xuân, tuổi xuân, “ngán” tức là ngao ngán, chán. Bên cạnh đó từ “lại” chỉ sự trở lại một cách nhanh, sợ sự quay trở lại. Theo quy luật của tạo hóa, mùa xuân qua rồi sẽ trở lại. Nhưng mỗi mùa xuân qua đi lại mang theo tuổi xuân của con người và mãi không trở lại. Sự trở lại chính là sự ra đi của tuổi xuân. Tác giả đã quá ngán ngẫm với cuộc đời éo le. Với lối nghệ thuật tăng tiến, nhấn mạnh vào những điều bé nhỏ, làm cho nghịch cảnh éo le hơn. mảnh tình đã nhỏ bé lại còn phải san sẻ “tí con con” tạo nên một cảm giác xót thương. Đây cũng chính là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội xưa. Hạnh phúc luôn là chiếc chăn quá hẹp.

Như vậy, bài thơ *Tự Tình* đã hiện lên với những hình ảnh giản dị mà đặc sắc, hình ảnh giàu sức gợi cảm, tinh tế từ đó nói lên tâm trạng của chủ thể. Bài thơ hiện lên cả bi kịch và khát vọng sống hạnh phúc của Hồ Xuân Hương. Trong những lúc buồn tủi, bế tắc, người phụ nữ cố vươn lên nhưng lại vẫn bị rơi vào cái vòng quay luẩn quẩn, tù túng của xã hội đương thời.